

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 244/2020/HS-ST

Ngày: 08-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 231/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn T, sinh năm: 1990 tại Quảng Nam; đăng ký thường trú: Thôn Y, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C, sinh năm: 1955 và bà Nguyễn N, sinh năm: 1958; bị cáo có vợ tên Huỳnh T, sinh năm: 1990 (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm: 2013, nhỏ sinh năm: 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số: 15/2013/HSST ngày 26/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2020; hủy bỏ biện pháp tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/6/2020 - có mặt.

- Bị hại: Bà Tơ N, sinh năm: 1992; đăng ký thường trú: Ấp C, xã S, huyện G, tỉnh Bình Dương - vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn C, sinh năm: 1955; đăng ký thường trú: Ấp N, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Nam - vắng mặt.

2. Ông Phạm T, đăng ký thường trú: Số 23/36, đường số 3A, phường Bình A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - vắng mặt.

3. Ông Nguyễn N, sinh năm: 1995; đăng ký thường trú: Xã T, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: Số 8/10B, đường Lê Q, khu phố 27, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn T và Tơ S chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4/2019. Tơ N là cháu của Tơ S. Do muốn lấy lòng của gia đình S, T nói dối N là T có một thửa đất tại phường Đ muốn cho N (thực tế T không có đất). N không đồng ý nhận và nói: nếu T bán thì Nga mua trả góp. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của N nên nói T có thửa đất số 955, tờ bản đồ số 08, diện tích 150m² tại khu phố 1, phường Đ, thị xã C, T bán với giá 500.000.000 đồng. N đồng ý mua. Ngày 01/3/2020, T viết “Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” giữa N và T. Ngày 03/3/2020, N mang tiền đến phòng trọ của T tại khu phố 2, phường Đ để đặt cọc cho T. T nhận số tiền 14.000.000 đồng và viết 01 “Giấy nhận cọc đất” đưa cho N. T dùng tiền này mua xe mô tô hiệu Ari Blade màu đen, biển số 54N4-0236.

Ngày 04/3/2020, T sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo của mình lên mạng xã hội tìm người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tiến tìm thấy tên “N” (không rõ nhân thân lai lịch) được tạo từ số điện thoại 0902.009664. T kết bạn và nhắn tin cho tên “N” hỏi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Đối tượng tên “N” đồng ý làm giả cho T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá là 10.000.000 đồng thì T đồng ý. Đối tượng tên “N” yêu cầu T chuyển trước số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản số 060156120671 mang tên Trịnh Đ mở tại Ngân hàng Sacombank Chi nhánh M, thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, T nhờ Tơ S chuyển tiền cho đối tượng “N”. T chụp hình Giấy chứng minh của N và tự nghĩ ra các thông tin về thửa đất rồi cung cấp cho đối tượng “N”. Đến ngày 07/3/2020, T gọi điện thoại kêu N chuẩn bị số tiền 30.000.000 đồng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng 14 giờ ngày 09/3/2020, 01 đối tượng không rõ nhân thân lai lịch đến phòng trọ của T giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG316925 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Tơ N. T gọi điện thoại kêu N mang tiền đến để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. N mang theo số tiền 30.000.000 đồng đến nhưng nghi ngờ T gian dối nên N chỉ đưa cho T 10.000.000 đồng, số tiền còn lại N nói đưa cho T sau. T lấy 9.000.000 đồng đưa cho đối tượng đến giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho N cùng với số tiền 1.000.000 đồng còn lại.

Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG316925, N nghi ngờ là giả nên đến gặp cán bộ địa chính phường Đ hỏi thông tin và đến Công an phường Đ trình báo. Vụ việc được giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CG316925;
- 01(một) xe mô tô hiệu Air Blade màu đen, biển số 54N4-0236;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 54N4-0236 mang tên Phạm T;
- 01(một) giấy bán xe của Nguyễn N;
- 01(một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu xanh trắng.

Ngày 15/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C xác định: Thửa đất số 955, tờ bản đồ số 08 diện tích 150m² tại khu phố 1, phường Đ, thị xã C không có trên thực tế.

Theo Kết luận giám định số 89/GĐ-PC09 ngày 16/03/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Phôi và hình dấu tròn có nội dung “ * CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM * TỈNH BÌNH DƯƠNG – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên 01 (một) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ôu và tài sản khác gắn liền với đất” số CG 316925, chủ sở hữu “Tơ N”, sinh năm 1992, CMND 241475515, địa chỉ thường trú: Thôn V, xã B, huyện P, Đắc Lắc” (ký hiệu A) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử”.

Đối với xe mô tô hiệu AirBlade màu đen, biển số 54N4-0236 do ông Nguyễn T đứng tên chủ sở hữu. Ông T bán xe mô tô biển số 54N4-0236 cho cửa hàng xe máy Nguyễn N do ông N làm chủ. Ngày 04/3/2020, ông N bán xe lại cho Nguyễn T.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn C là cha ruột của Nguyễn T đã bồi thường cho bà Tơ N số tiền 23.000.000 đồng, bà N và ông C không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Bản Cáo trạng số 243/CT-VKSBC ngày 30/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội: “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và sử dụng tài liệu giả như nội dung Cáo trạng nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C trình bày luận tội:

- Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tại Bản Cáo trạng số 243/CT-VKSBC ngày 30/10/2020 đối với bị cáo Nguyễn T;

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội: “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

- Về xử lý vật chứng:

+ Trả cho bị cáo xe mô tô hiệu Airblade màu đen biển số 54N4-0236, kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 54N4-0236 mang tên Phạm T.

+ Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh trắng.

Bị cáo Nguyễn T không bào chữa, không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn T: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận: Hành vi dùng lời nói gian dối và dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả làm cho bà Tơ N tin tưởng để chiếm đoạt số tiền 23.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bản Cáo trạng số 243/CT-VKSBC ngày 30/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với 02 tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến hoạt động của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương. Do đó, đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục.

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bà Tơ N toàn bộ số tiền chiếm đoạt nên được áp dụng tình tiết đã khắc phục hậu quả. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bà nội là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được áp dụng là điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của bị hại 02 lần nên phải áp dụng tình tiết: “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về nhân thân: Bị cáo từng bị xử phạt tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Qua đó cho thấy thái độ xem thường pháp luật của bị cáo nên cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục.

[4] Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra cũng như nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Bị cáo Nguyễn T bị truy tố và xét xử về nhiều tội nên cần áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Khoản tiền chiếm đoạt của bị hại Tơ N: Gia đình bị cáo đã bồi thường trực tiếp cho bà N số tiền 23.000.000 đồng, bà N không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

- Ông Nguyễn C là cha ruột của bị cáo, đã bồi thường thay cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này, do đó không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu AirBlade màu đen biển số 54N4-0236, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 54N4-0236 mang tên Phạm T: Sau khi chiếm đoạt tiền của bị hại N bị cáo mua lại xe mô tô biển số 54N4-0236 của ông Nguyễn N. Quá trình điều tra, gia đình bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị hại. Do đó cần giao trả xe mô tô 54N4-0236 và Giấy chứng nhận đăng ký xe cho bị cáo.

- Đối với điện thoại hiệu Oppo màu xanh trắng: Đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bị cáo: Bị cáo T không cung cấp được thông tin nên không có cơ sở xem xét xử lý trong vụ án này. Khi nào Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C điều tra rõ sẽ xem xét xử lý bằng vụ án khác.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 260, Điều 299, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội: “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn T 02 (hai) năm tù về tội: “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn T chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, khấu trừ thời giam tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2020 đến ngày 03/6/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Giao trả cho bị cáo 01 (một) xe mô tô hiệu AirBlade màu đen, biển số 54N4-0236, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 54N4-0236 mang tên Phạm T;

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước điện thoại hiệu Oppo màu xanh trắng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng 07/12/2020)

5. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân